



Ủy ban sông Mê Công Việt Nam

## KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

### THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LƯU VỰC DỰA TRÊN QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA ỦY HỘI SÔNG MÊ CÔNG

Sông Mê Công có chiều dài khoảng 4.800 km bắt nguồn ở Tây Tạng chảy qua Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan và Campuchia, hình thành một châu thổ phi nhiều nhưng rất dễ nhạy cảm với tác động ở thượng lưu trong đó phần lớn là Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) của Việt Nam và một phần ở Campuchia trước khi đổ vào biển Đông. Lưu vực sông Mê Công có diện tích rộng 795.000 km<sup>2</sup>. Tổng lượng nước trung bình hàng năm của sông Mê Công khoảng 475 km<sup>3</sup> với sự khác biệt rất lớn về dòng chảy giữa mùa mưa và mùa khô do chế độ gió mùa Tây Nam gây ra. Trong hầu hết các vùng của lưu vực sông, dòng chảy trung bình trong 3 tháng mùa khô chiếm ít hơn 10% tổng dòng chảy năm; trong khi dòng chảy trong 3 tháng mùa mưa chiếm tới hơn 50%. Các biến đổi tự nhiên lớn về lưu lượng, vùng ngập lũ, thời gian bắt đầu và kết thúc mùa mưa và mùa khô có thể thay đổi ở các vùng qua các năm khác nhau. Hàng năm vào mùa lũ, tùy theo dao động mực nước tại Phnom Penh tạo ra ‘dòng chảy ngược’ rất lớn vào Biển Hồ (Great Lake) qua sông Tonle Sap để mùa kiệt nước từ Biển Hồ lại chảy xuống châu thổ. Một đặc tính quan trọng nữa là ở lưu vực sông Mê Công có một hệ sinh thái sông phong phú được các đợt lũ hàng năm vào và ra khỏi Tonle Sap, Great Lake nuôi dưỡng. Trong phần lớn vùng đồng bằng ngập lũ này tình trạng ngập úng và khô hạn cũng thường xuyên xảy ra. Mê Công là sông có mức đa dạng sinh học cao thứ hai trên thế giới sau Amazon và có ngành đánh bắt thủy sản nước ngọt lớn nhất thế giới với khoảng 2,3 triệu tấn/năm.

Tổng dân số sống ở Hạ lưu sông Mê Công ước tính khoảng 60 triệu người (số liệu năm 2007). Khoảng 90% dân số của Campuchia (13 triệu) và Lào (5,2 triệu) đang sống trong lưu vực. Số dân của Thái Lan trong lưu vực chiếm 39% dân số cả nước (23 triệu), trong khi ở Việt Nam có 20% dân số sống trong lưu vực (17 triệu đồng bằng sông Cửu Long và 3 triệu ở Tây Nguyên). Tốc độ tăng dân số trong lưu vực ở mức 1-2% đối với Thái Lan và Việt Nam và cao hơn ở Campuchia và Lào (2-3%). Mặc dù đô thị hóa là một xu hướng chung ở tất cả bốn quốc gia thuộc Hạ lưu sông Mê Công, nhưng khoảng 85% dân số của lưu vực sông vẫn phân bố tại các khu vực nông thôn. Ngành nghề chính của hơn 60% dân số có liên quan đến tài nguyên nước. Hệ sinh thái phong phú của Hạ lưu sông Mê Công có vị trí đặc biệt đối với sinh kế, đặc biệt là cho người nghèo. Mối quan hệ mật thiết này cũng có nghĩa là người nghèo dễ bị tổn thương nếu sông và nguồn tài nguyên liên quan bị suy thoái. Trong khi tất cả các quốc gia Hạ lưu sông Mê Công đang đạt tiến bộ đáng kể thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ, thì trên 35% tổng số dân của Campuchia và Lào vẫn còn ở mức thu nhập dưới chuẩn nghèo quốc gia và ở nhiều vùng nông thôn tỷ lệ này cao hơn nhiều. Hạ lưu vực sông Mê Công vẫn đang đứng trước một thách thức lớn về an ninh lương thực và suy dinh dưỡng. Khoảng một nửa các hộ gia đình không có nguồn cung cấp nước an toàn và một nửa trong số tất cả các làng không dễ tiếp cận được trong mọi điều kiện thời tiết và bị cô lập trong mùa mưa. Ở Hạ lưu sông Mê Công, nói chung chênh lệch đời sống ngày càng tăng giữa thành thị và nông thôn và giữa các nhóm dân tộc.

Hàng năm lượng nước được lấy sử dụng cho nông nghiệp, công nghiệp và tiêu thụ khác ở hạ lưu sông Mê Công ước tính khoảng 60 tỷ m<sup>3</sup>, chiếm khoảng 12% tổng lượng trung bình năm, trong đó sử dụng chủ yếu cho phát triển nông nghiệp và chống xâm nhập mặn.

Hiện nay, chưa có những dự án lớn được thực hiện để chuyển nước từ dòng chính phía thượng lưu Châu thổ Mê Công. Lượng nước trữ ở các hồ chứa chỉ mới chiếm ít hơn 5% dòng chảy trung bình năm cho nên không có ý nghĩa điều tiết nước giữa các mùa. Hiện nay việc sử dụng nguồn nước ngầm trong các vùng thuộc lưu vực sông Mê Công vẫn còn hạn chế, ngoại trừ ở Đông Bắc Thái Lan và một số vùng của Việt Nam, nơi có nguồn nước ngọt khan hiếm vào mùa khô.

Các dự án, chương trình quản lý lũ mới chỉ tập trung vào giảm thiệt hại cho các đối tượng dễ bị tổn thương bằng các biện pháp tránh lũ hoặc sống chung với lũ và giải pháp phi công trình. Các hệ thống thủy lợi để cải thiện đất ngập nước và nuôi trồng thủy sản hãy còn ở quy mô nhỏ và thường được kết hợp với các mục đích khác như tưới và quản lý lũ. Lũ hàng năm trên sông tạo nên nguồn lợi thủy sản phong phú, mặc dù hiện nay một số báo cáo đã cho thấy có sự suy giảm sản lượng đánh bắt thủy sản.

Giao thông thủy có tầm quan trọng trong vận chuyển hàng hoá từ các nước, giữa các vùng trong lưu vực. Có hai vùng mang đặc thù riêng chi phối việc phát triển giao thông thủy là vùng châu thổ sông Mê Công giữa Việt Nam và Campuchia, vùng gắn kết giữa hai nước thượng nguồn là Trung Quốc, Mian Ma với Lào và Thái Lan. Tuy nhiên, giao thông thủy ở lưu vực nói chung chưa được phát triển như một ngành giao thông tổng hợp, gắn kết đường bộ, đường thủy, kinh tế và văn hoá du lịch.

Việc theo dõi giám sát các hệ thống sông tại lưu vực Mê Công cho thấy chế độ dòng chảy của dòng chính vẫn chủ yếu ở trạng thái tự nhiên do chưa có sự can thiệp lớn vào dòng chính. Chất lượng nước trên dòng chính ở hầu hết các điểm quan trắc đều thấy còn tốt; riêng ở đồng bằng sông Cửu Long có một số điểm có nồng độ chất dinh dưỡng cao cần được quan tâm theo dõi giám sát. Với nhu cầu ngày càng tăng về gỗ và nhu cầu đất cho sản xuất nông nghiệp và sinh kế đã dẫn tới tình trạng phá rừng và gây suy thoái rừng nghiêm trọng ở một số vùng trong lưu vực. Việc sử dụng tài nguyên nước và tài nguyên liên quan không bền vững ở nhiều nơi cần phải được nghiên cứu và đánh giá đầy đủ trong tương lai.

## **1. Xu thế phát triển và vấn đề nảy sinh**

Khu vực Mê Công đang tăng trưởng nhanh chóng và ngày càng hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Nhu cầu năng lượng cao làm cho phát triển thủy điện ngày càng trở nên hấp dẫn đối với khu vực tư nhân, dẫn tới sự gia tăng phát triển thủy điện ở Hạ lưu sông Mê Công. Tình trạng thiếu lương thực do dân số phát triển và giá cả tăng dẫn tới việc phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp kéo theo thu hút đầu tư mạnh mẽ từ các tổ chức nước ngoài. Biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến nhu cầu nước và nguồn nước sẵn có. Đồng bằng sông Cửu Long được dự đoán là rất dễ bị tổn thương do nước biển dâng. Những điều trên đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với các quy hoạch phát triển liên quan đến nước cần phải phù hợp với xu hướng toàn cầu và biến đổi khí hậu.

Ở thượng nguồn sông Mê Công, Trung Quốc đang hoàn thành xây dựng các bậc thang thủy điện trên sông Lancang: các đập Manwan, Dachaoshan và Jinghong đang hoạt động; đập Tiểu Loan (Xiaowan) sẽ được đưa vào vận hành sớm; và đập Nuozhadu sẽ được hoàn thành vào năm 2014. Các dự án thủy điện Xiaowan và Nuozhadu, với dung tích hữu ích 9,8 và

12,4 tỷ m<sup>3</sup>, có thể sẽ tạo ra sự phân phối lại dòng chảy từ mùa mưa cho mùa khô và làm giảm vận chuyển bùn cát của dòng chính sông Mê Công. Việc tăng cường hợp tác với Trung Quốc, dựa trên hội nhập kinh tế Tiểu vùng và các sáng kiến khác nhằm đảm bảo an ninh dòng chảy mùa khô và dự báo kế hoạch khai thác sử dụng tài nguyên nước dài hạn phải trở thành một ưu tiên chiến lược đối với các quốc gia Hạ lưu vực sông Mê Công.

Ở hạ lưu vực Mê Công, tăng trưởng kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra mạnh ở tất cả bốn quốc gia với các biện pháp đa dạng hóa nền kinh tế, hội nhập kinh tế khu vực, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực. CHDCND Lào và Campuchia đang nỗ lực thoát ra khỏi danh sách quốc gia kém phát triển nhất (LDC), trong khi Việt Nam tìm cách trở thành một nước thu nhập trung bình vào năm 2030. Dân số gia tăng, kinh tế phát triển và mức sống cải thiện gắn với nhu cầu thực phẩm và điện phải tăng lên. Bên cạnh đó, các quốc gia vẫn đang phải đương đầu với nghèo đói ở khu vực nông thôn, đối mặt với hậu quả thường xuyên và nặng nề của hạn hán và lũ lụt hàng năm gây tổn thất sinh mạng, tài sản và thiệt hại về kinh tế. Để giải quyết những thách thức này, các quốc gia đều có nhu cầu khai thác mạnh mẽ tiềm năng của hệ thống sông cho mục đích tưới, năng lượng, vận tải và chống lũ. Tất cả bốn quốc gia Hạ lưu sông Mê Công đều đang nỗ lực lồng ghép “chiến lược xoá đói giảm nghèo” vào trong các kế hoạch kinh tế xã hội quốc gia và kế hoạch ngành và tất cả đều gắn với phát triển tài nguyên nước cho phát triển nông nghiệp có tưới và quản lý lũ; phát triển năng lượng thủy điện; cấp nước sinh hoạt và sử dụng khác.

Hiện nay, 26 dự án thủy điện có quy mô lớn hơn 10 MW đang được xây dựng trên các sông nhánh, bên cạnh các đập tại Trung Quốc, tạo ra thêm 36 tỷ m<sup>3</sup> dung tích trữ hữu ích. Theo kế hoạch có nhiều đập hơn nữa sẽ được xây dựng ở Hạ lưu sông Mê Công trong 20 năm tới và bổ sung thêm 21 tỷ m<sup>3</sup> dung tích trữ cho hệ thống sông Mê Công. Đây là yếu tố cần phải xem xét thận trọng trong đánh giá các kịch bản sử dụng nước và tài nguyên liên quan trong tương lai

Hiện nay tại hạ lưu vực sông Mê Công (LMB) có 12 dự án thủy điện đập dâng trên dòng chính sông Mê Công đang được nghiên cứu. Các dự án có thể đem lại lợi nhuận rất cao so với việc xây dựng các đập trên sông nhánh, tạo thêm nhiều công ăn việc làm trong thời gian xây dựng và vận hành đập. Tuy nhiên, tác động xã hội và môi trường của các dự án cũng rất lớn, khoảng 60% lòng dẫn có đa dạng sinh học phong phú sẽ bị mất do chia cắt sông, nhiều điểm quan trọng về môi trường bị ảnh hưởng, tác động lớn tới di cư và sinh sản của cá, thậm chí có rủi ro rất cao dẫn tới khả năng bị tiệt chủng của hai loài cá heo nước ngọt và cá tra dầu. Sản lượng đánh bắt thủy sản bị giảm tới 15%. Các dự án cũng gây tác động nghiêm trọng tới việc giữ bùn cát và chất dinh dưỡng khi kết hợp với tác động của các dự án thượng nguồn Lan Cang/Mê Công và các thủy điện sông nhánh.

Ở Hạ lưu sông Mê Công có nhiều kế hoạch tăng diện tích tưới lên 50% (1,2-1,8 triệu ha) trong 20 năm tới với việc mở rộng tưới mùa khô ở Lào tăng khoảng từ 100.000 ha tới hơn 300.000 ha. Phát triển tưới lớn đang được xem xét tại Campuchia, kết hợp với đầu tư cho kiểm soát lũ ở vùng châu thổ chưa phát triển ở Campuchia và kết hợp với phát triển thủy điện ở vùng khác. Thái Lan từ lâu đã xem xét việc chuyển nước dòng chính kết hợp với các giải pháp khác nhằm giảm hạn hán ở miền Đông Bắc. Các quốc gia Hạ lưu sông Mê Công cũng có kế hoạch tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản và cải thiện quản lý thủy sản, giao thông thủy, quản lý lũ lụt và du lịch. Nuôi trồng thủy sản được dự báo sẽ tăng trưởng gấp đôi trong 20 năm tiếp theo với sản lượng 4 triệu tấn.

Các dự án phát triển nêu trên có thể mang lại cả cơ hội và rủi ro, không đồng đều hay công bằng trên toàn lưu vực và nhóm dân số. Ngoài ra, khi đầu tư tư nhân nhiều vào các lĩnh vực phát triển tài nguyên nước đòi hỏi hệ thống pháp lý của Chính phủ phải mạnh và có hiệu lực thì mới phát triển một cách bền vững được.

Ngay sau khi ký Hiệp định Mê Công năm 1995, một trong những ưu tiên của Ủy hội là phải lập Quy hoạch phát triển lưu vực đưa vào xem xét các dự án trên quy mô lưu vực (Điều 2. Hiệp định Mê Công).

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển lưu vực, Ủy hội sông Mê Công đã tiến hành lập Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước (sau đây gọi là Chiến lược). Chiến lược sẽ là một hướng dẫn cho sự phát triển và quản lý lưu vực theo hướng bền vững, đảm bảo có sự chia sẻ công bằng và hợp lý nguồn tài nguyên nước sông Mê Công quý giá cho hơn 60 triệu người sống trên lưu vực. Cũng với tầm quan trọng của việc thực hiện Hiệp định Mê Công, các nước nhất trí nâng tầm hợp tác trong khai thác và sử dụng nguồn nước sông Mê Công lên một tầm cao mới thông qua cơ chế Hội nghị cấp cao Ủy hội sông Mê Công mà phiên họp lần thứ nhất đã được tổ chức tại Hòa Hìn, Thái Lan năm 2010.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Ủy hội sông Mê Công lần đầu tiên (5 tháng 5 năm 2010), Thủ tướng Chính phủ của các quốc gia hạ lưu sông Mê Công tái khẳng định cam kết của các quốc gia tiếp tục hợp tác và thúc đẩy phát triển, sử dụng, bảo tồn và quản lý bền vững tài nguyên nước và tài nguyên liên quan để "Đáp ứng nhu cầu, giữ sự cân bằng để hướng tới sự phát triển bền vững của lưu vực sông Mê Công". Hội nghị Thượng đỉnh đã nhấn mạnh sự cần thiết phải hợp tác hơn nữa để giải quyết những thách thức quan trọng đang nổi lên ở lưu vực sông Mê Công bao gồm: quản lý rủi ro do lũ lụt và hạn hán gây ra; lồng ghép tốt hơn các cân nhắc về tính bền vững trong việc phát triển tiềm năng thủy điện của lưu vực, giảm thiểu sự suy giảm chất lượng nước, mất đất ngập nước và nạn phá rừng - là những rủi ro đối với đa dạng sinh học và sinh kế của người dân; quản lý tốt hơn nguồn thủy sản tự nhiên đặc biệt của lưu vực, nghiên cứu và giải quyết các mối đe dọa đối với sinh kế do biến đổi khí hậu gây ra.

## **2. Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước của Ủy hội**

Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp là sự mong muốn từ lâu của Ủy hội trong quá trình nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển lưu vực sông Mê Công (BDP). Chiến lược nếu được thực hiện tốt sẽ là một chỉ dẫn khá chặt chẽ cho việc xây dựng các dự án phát triển và quản lý phát triển một cách bền vững và đảm bảo cho sự chia sẻ công bằng lợi ích của nguồn tài nguyên nước và nguồn tài nguyên liên quan trong lưu vực sông Mê Công.

Chiến lược nhằm đưa ra các nguyên tắc và hành động cần thiết hỗ trợ cho phát triển đang diễn ra trong lưu vực theo hướng bền vững. Đồng thời phải dựa trên các dự báo về phát triển và tác động của sự phát triển đối với môi trường, kinh tế và xã hội để có những giải pháp quản lý hiệu quả trên cả quy mô quốc gia và lưu vực. Như vậy, Chiến lược sẽ góp phần thực hiện tầm nhìn của lưu vực sông Mê Công là một lưu vực sông kinh tế thịnh vượng, công bằng xã hội và môi trường trong lành.

Vì thế, Chiến lược đã được xây dựng dựa trên phân tích tác động của các kịch bản phát triển cả về mặt tích cực và tiêu cực.

Chiến lược đã đề ra 13 ưu tiên bao gồm:

- Tiếp cận giải quyết các cơ hội và hậu quả của phát triển hiện nay bao gồm phát triển ở thượng nguồn sông Mê Công – Lan Cang.
- Mở rộng và thâm canh nông nghiệp có tưới để đảm bảo an ninh lương thực và xoá đói giảm nghèo.
- Cải thiện sự bền vững của phát triển thủy điện.
- Thu thập các kiến thức cần thiết nhằm khắc phục sự không chắc chắn và giảm thiểu rủi ro của các cơ hội phát triển đã được xác định.
- Xây dựng các phương án chia sẻ lợi ích và chi phí của các cơ hội phát triển.
- Ứng phó với Biến đổi khí hậu.
- Lồng ghép quy hoạch phát triển lưu vực vào các hệ thống của quốc gia.
- Xác lập các mục tiêu lưu vực và các chiến lược quản lý cho các ngành liên quan tới nước.
- Củng cố quy trình quản lý tài nguyên nước ở cấp quốc gia.
- Củng cố quy trình quản lý lưu vực.
- Xây dựng các mục tiêu môi trường, xã hội và các “tiêu chí cơ sở - điều kiện nền”
- Thực hiện một chương trình tăng cường năng lực quản lý tổng hợp tài nguyên nước.
- Các nghiên cứu và chỉ dẫn quản lý lưu vực và quản lý ngành.

### **3. Mục đích của xây dựng kế hoạch hành động**

Sau khi Chiến lược được Hội đồng Ủy hội sông Mê Công thông qua vào tháng 1 năm 2010, Ủy hội yêu cầu các quốc gia xây dựng chương trình hành động của mình nhằm đưa ra các hoạt động phối hợp với các hoạt động ở cấp vùng để thực hiện thành công các ưu tiên đã được vạch ra trong Chiến lược

#### ***Mục tiêu lâu dài là***

Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước tại ĐBSCL và Tây Nguyên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường đồng thời tạo các cơ sở khoa học kỹ thuật, pháp lý hợp tác trong Ủy hội Mê Công thực hiện tốt Chiến lược Phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước.

#### ***Mục tiêu trước mắt là***

Xác định các vấn đề Việt Nam cần quan tâm nhằm xây dựng các dự án, chương trình giải quyết để hỗ trợ thực hiện tốt các chiến lược, chính sách quốc gia và các hành động chiến lược của Ủy hội, đồng thời bổ sung kiến thức để cập nhật kích bản phát triển lưu vực và điều chỉnh Chiến lược sau này.

### **4. Các lĩnh vực trọng tâm của Việt Nam và các dự án đề xuất**

Để thực hiện tốt Chiến lược đem lại cơ hội phát triển và giảm thiểu các tác động tiêu cực bảo vệ nguồn lợi sông Mê Công của Việt Nam ở ĐBSCL và Tây Nguyên, trước hết phải xác định được những vấn đề trọng tâm của Việt Nam – *tức là những vấn đề phải được giải quyết trong thời kỳ Chiến lược* thông qua các hoạt động, các dự án nếu muốn đạt được những lợi ích trên. Có những vấn đề khi giải quyết phải gắn với một hoặc nhiều quốc gia trong Ủy hội, cũng có vấn đề quốc gia phải tự nghiên cứu để có đủ căn cứ khoa học cho đàm phán bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích toàn lưu vực. Khi xác định các lĩnh vực trọng tâm, quan trọng là phải phân

ánh hoặc gắn kết với các chính sách, các chiến lược hoặc các kế hoạch quốc gia và các ưu tiên của đất nước trong phát triển và quản lý tài nguyên nước.

Trên lãnh thổ Việt Nam có hai tiểu vùng thuộc lưu vực sông Mê Công đã được xác định trong Chương trình kế hoạch phát triển lưu vực là tiểu vùng 10V (ĐBSCL) và tiểu vùng 7V (lưu vực sông Sê San và Srêpok). Cả hai tiểu vùng đều là vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và an ninh chính trị của đất nước, đồng thời thúc đẩy hợp tác với các quốc gia khác trong Ủy hội. Mỗi một tiểu vùng có đặc trưng địa lý thủy văn và điều kiện phát triển kinh tế xã hội khác nhau (như trình bày ở Chương 1).

Trong khi nghiên cứu lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm, Ủy ban sông MCVN đã đánh giá các điều kiện trên và vị trí của các tiểu vùng (ĐBSCL và Tây Nguyên) để xác định các vấn đề cần phải giải quyết trên cơ sở hợp tác trong MRC để thực hiện thành công Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM)

Để có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ được giao (dự án, chương trình) đặt ra trong Kế hoạch hành động (NIP), một vấn đề cần tập trung nỗ lực giải quyết là phải đảm bảo có một đội ngũ cán bộ đủ năng lực và các bộ công cụ hiệu quả. Đây là một nhiệm vụ thường xuyên và dài hạn. Ủy ban sông Mê Công Việt Nam quan niệm đây cũng là một lĩnh vực cần quan tâm và ưu tiên trong Kế hoạch hành động (NIP).

### ***Các dự án đề xuất ở ĐBSCL đưa vào Kế hoạch hành động***

ĐBSCL nằm ở tận cùng của hạ lưu vực Mê Công, mặc dù có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển KTXH lại là nơi gánh chịu tất cả các tác động có thể xảy ra do phát triển ở thượng nguồn, bao gồm thay đổi dòng chảy dẫn tới xói lở bờ, thiếu nước tưới và dân sinh trong mùa khô, rui ro trong mùa lũ, vấn đề di cư và sinh sản của cá và sản lượng đánh bắt giảm, thiếu phù sa và chất dinh dưỡng và vấn đề xâm nhập mặn và ô nhiễm chất lượng nước. Những vấn đề này phải được xem xét khi xây dựng các kế hoạch phát triển ngành và quốc gia để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nhưng vẫn đảm bảo được các mục tiêu môi trường cho ĐBSCL.

### **Lĩnh vực trọng tâm 1: Lồng ghép và hài hoà quy trình quy hoạch quốc gia với Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước.**

#### ***Các dự án đề xuất***

- 1.1 Xây dựng quy trình và thủ tục cho lồng ghép quy hoạch quốc gia và quy hoạch ngành vào Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý TH TNN của Ủy hội.
- 1.2 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp củng cố tổ chức quản lý lưu vực sông tại ĐBSCL.
- 1.3 Xây dựng thủ tục thông báo tình hình phát triển và vận hành dự án hạ tầng khai thác và sử dụng tài nguyên nước tại ĐBSCL
- 1.4 Chuẩn bị các chỉ dẫn về trao đổi và chia sẻ thông tin số liệu cho ĐBSCL phù hợp với yêu cầu trong nước và Ủy hội.
- 1.5 Chuẩn bị các chỉ dẫn về sử dụng nước, quản lý chất lượng nước và phòng chống ô nhiễm tại ĐBSCL.

### **Lĩnh vực trọng tâm 2: Thiết lập tầm nhìn cho ĐBSCL trong khuôn khổ quản lý tổng hợp tài nguyên nước và cập nhật các chiến lược quản lý ngành (tưới, nông nghiệp, giao**

**thông thủy v.v..) ; Xây dựng mục tiêu môi trường, kinh tế, xã hội và các điều kiện nền để giám sát sự phát triển ở đồng bằng sông Cửu Long.**

Các dự án đề xuất

- 2.1 Thiết lập một tầm nhìn cho ĐBSCL về mặt TNN và xây dựng các mục tiêu môi trường, kinh tế xã hội để hỗ trợ cho giám sát các dự án phát triển.
- 2.2 Cập nhật các kịch bản phát triển tài nguyên nước ĐBSCL phục vụ cho việc rà soát và cập nhật các kịch bản lưu vực.
- 2.3 Chuẩn bị báo cáo hiện trạng môi trường ĐBSCL.
- 2.4 Nâng cấp và mở rộng mạng lưới giám sát tài nguyên nước và môi trường ĐBSCL phục vụ cho giám sát tác động môi trường do phát triển thượng nguồn.
- 2.5 Xây dựng Cơ sở Kiến thức tại Văn phòng UBMCVN và các Viện liên quan.

**Lĩnh vực trọng tâm 3: Tận dụng các cơ hội và khắc phục hậu quả do phát triển ở thượng lưu mang lại, bao gồm cả phát triển ở thượng nguồn sông Mê Công (Trung Quốc) nhằm nâng cao tính bền vững của các dự án phát triển trên lưu vực.**

Các dự án đề xuất

- 3.1 Đánh giá tác động của việc vận hành các đập thượng nguồn sông Mê Công, nhất là vận hành cục đoạn và không chắc chắn, kết hợp với chuyển nước trong và ngoài lưu vực đối với ĐBSCL kể cả lãnh thổ Campuchia; kiến nghị biện pháp giảm thiểu.
- 3.2 Nghiên cứu các giải pháp tận dụng cơ hội phát triển mới cho ĐBSCL trong điều kiện tăng dòng chảy mùa khô do vận hành hợp lý các đập ở thượng nguồn làm cơ sở hỗ trợ UBMCVN trong đàm phán bảo vệ dòng chảy cơ bản mùa khô cho ĐBSCL
- 3.3 Thực hiện một cách hiệu quả Hiệp định hợp tác giao thông thủy giữa Việt Nam và Campuchia trong bối cảnh phát triển thượng nguồn và biến đổi khí hậu.
- 3.4 Trên cơ sở luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng các nguyên tắc xác định tiềm năng phát triển nông nghiệp và các nguyên tắc ban đầu chia sẻ lợi ích và chi phí giữa các ngành sử dụng nước sông Mê Công ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**Lĩnh vực trọng tâm 4: Cải thiện hiệu quả sử dụng nước cho phát triển nông nghiệp có tưới phục vụ cho an ninh lương thực quốc gia và chính sách xóa đói giảm nghèo.**

Các dự án đề xuất

- 4.1 Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho nông nghiệp có tưới và nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL
- 4.2 Xây dựng chiến lược quản lý hạn và cung cấp nước cho ĐBSCL.
- 4.3 Đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trong bối cảnh phát triển thượng lưu, biến đổi khí hậu và nước biển dâng ĐBSCL.
- 4.4 Quản lý tổng hợp vùng đồng bằng ngập lũ Việt Nam – Campuchia
- 4.5 Nghiên cứu bước đầu về phân phối nước tại các cửa kênh chính nối với sông Mê Công và dòng chảy môi trường cho ĐBSCL.

**Lĩnh vực trọng tâm 5: Đánh giá sự không chắc chắn và rủi ro trong phát triển và do biến đổi khí hậu gây ra ở ĐBSCL.**

Các dự án đề xuất

- 5.1 Xác định những vấn đề không chắc chắn và rủi ro liên quan cơ chế vận chuyển phù sa, chất dinh dưỡng và phân tích tác động của phát triển thượng nguồn đối với phù sa và chất dinh dưỡng vào ĐBSCL.
- 5.2 Nghiên cứu ảnh hưởng của lũ đến chất lượng và hiệu quả sử dụng đất phù sa vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam
- 5.3 Xác định những vấn đề và phân tích sự không chắc chắn và rủi ro tác động đến nguồn lợi thủy sản trong xu thế phát triển mạnh mẽ trên lưu vực và hệ lụy của nó đối với sinh kế của người dân vùng ĐBSCL
- 5.4 Đánh giá xu thế và sự thay đổi đa dạng sinh học, các hệ sinh thái và các điểm nóng về môi trường ở ĐBSCL và ảnh hưởng của chúng tới cộng đồng dễ tổn thương.
- 5.5 Đánh giá và dự báo tác động của biến đổi khí hậu dài hạn và trung hạn đối với ĐBSCL trong xu thế phát triển hiện nay trên lưu vực.

### ***Các dự án đề xuất ở lưu vực sông Sê San và Srêpok***

Các lưu vực sông Sê San, Srêpok ở Tây Nguyên chiếm tới 11% tổng dòng chảy lưu vực, tại đây có nhiều tiềm năng cho phát triển thủy điện. Phát triển thủy điện đang diễn ra nhanh chóng và các lưu vực đang đối diện với nhiều thách thức về môi trường do thiếu quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Các tiểu lưu vực này có vùng đầu nguồn quan trọng nếu như không được quản lý tốt sẽ gây tác động tới toàn bộ lưu vực và gây tiềm năng tác động xuyên biên giới.

### **Lĩnh vực trọng tâm 6: Lồng ghép và hài hoà quy trình quy hoạch quốc gia tại tiểu lưu vực Sê San, Srêpok vào Chiến lược của Ủy hội (MRC) và củng cố quy trình quản lý tài nguyên nước tại tiểu lưu vực.**

#### ***Các dự án đề xuất***

- 6.1 Xác định tầm nhìn tiểu lưu vực Sê San, Srêpok, các mục tiêu môi trường, kinh tế xã hội và xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường tiểu lưu vực phục vụ cho giám sát phát triển và môi trường.
- 6.2 Chuẩn bị xây dựng Chiến lược quản lý tổng hợp tài nguyên nước cho hai lưu vực sông xét tới các vấn đề tác động xuyên biên giới.
- 6.3 Xây dựng quy trình lồng ghép và hài hoà chiến lược ngành tại hai lưu vực sông Sê San và Srêpok vào Chiến lược vùng dựa trên đặc thù riêng của hai lưu vực.
- 6.4 Xây dựng các thủ tục thông báo về các dự án cơ sở hạ tầng phát triển TNN và TN liên quan cho UBMCVN làm cơ sở giải quyết các vấn đề xuyên biên giới thực hiện thành công Chiến lược vùng.
- 6.5 Đề xuất các biện pháp củng cố Hội đồng lưu vực sông Srêpok.
- 6.6 Chuẩn bị các bước ban đầu cho lập Ủy ban lưu vực sông Sê San.
- 6.7 Đề xuất một cơ chế hợp tác với Campuchia để thực hiện thành công Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước.
- 6.8 Xây dựng các chỉ dẫn kỹ thuật quản lý số lượng nước, chất lượng nước và phòng chống ô nhiễm cho hai lưu vực sông.
- 6.9 Nâng cấp và mở rộng các trạm giám sát sử dụng nước đặc biệt các trạm vùng biên giới và nghiên cứu lập hệ thống giám sát đa dạng sinh học và hệ sinh thái trên các lưu vực sông Sê San, Srêpok.



**Lĩnh vực trọng tâm 7: Cải thiện sự bền vững trong phát triển thủy điện sông nhánh thông qua việc giảm thiểu các tác động tiêu cực của việc xây dựng và vận hành các đập thủy điện trên hai lưu vực sông Sê San và Srêpok đối với hạ du bao gồm cả lãnh thổ Campuchia và dòng chảy dòng chính sông Mê Công và giải quyết vấn đề chia sẻ lợi ích và chi phí giữa các ngành và các nước trong tiểu lưu vực.**

Các dự án đề xuất

- 7.1 Đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi dòng chảy do phát triển và vận hành các nhà máy thủy điện gây ra đối với hạ du và lãnh thổ Campuchia; kiến nghị các biện pháp giảm thiểu.
- 7.2 Xác định tiềm năng đóng góp dòng chảy của hai lưu vực sông Sê San và Srêpok và tác động của sự thay đổi dòng chảy của hai sông đối với dòng chính sông Mê Công.
- 7.3 Bảo tồn các điểm nhạy cảm về môi trường sinh thái ở hai lưu vực sông Sê San, Srêpok với giải pháp hợp lý hướng tới phát triển bền vững
- 7.4 Cập nhật và xây dựng các tiêu chuẩn phát triển thủy điện bền vững cho hai lưu vực sông
- 7.5 Xây dựng các nguyên tắc cơ bản và phương án chia sẻ lợi ích và chi phí cho các dự án phát triển của các ngành như là một biện pháp cho phát triển bền vững và cơ sở cho đàm phán trong MRC

**Lĩnh vực trọng tâm 8: Đánh giá ảnh hưởng tiềm năng của BĐKH tới tài nguyên nước và tài nguyên liên quan và tới các điều kiện kinh tế, xã hội của lưu vực sông Sê San và Srêpok, Tây Nguyên Việt Nam**

Các dự án đề xuất

- 8.1 Xác định các vấn đề của BĐKH ở lưu vực sông Sê San, Srêpok; Xây dựng phương pháp luận và cơ sở dữ liệu để phục vụ cho nghiên cứu các biện pháp ứng phó trung hạn, dài hạn
- 8.2 Đánh giá tiềm năng tác động của BĐKH kết hợp với các kịch bản phát triển đối với môi trường, kinh tế xã hội tiểu vùng, đối với hạ du bao gồm cả Campuchia và lồng ghép các vấn đề của BĐKH vào phân tích kịch bản phát triển lưu vực

**Các dự án tăng cường năng lực**

**Lĩnh vực trọng tâm 9: Cải thiện kiến thức và nâng cao nhận thức đáp ứng các yêu cầu thực hiện Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước.**

Các dự án đề xuất

- 9.1 Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước và triển khai thực hiện
- 9.2 Phát triển một chiến lược của UBMCVN về sự tham gia của các bên và cộng đồng trong thực hiện Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp TNN và Hiệp định Mê Công
- 9.3 Cải thiện các công cụ mô hình sử dụng cho đánh giá và giám sát sử dụng nước và hỗ trợ cho ứng dụng DSF và các thủ tục của MRC.
- 9.4 Xây dựng phương pháp luận và cách tiếp cận nghiên cứu ứng phó với BĐKH.

Tổng số 9 lĩnh vực trọng tâm và 45 dự án của Việt Nam được đưa vào kế hoạch thực hiện nhằm góp phần cùng các quốc gia khác trong Ủy hội thực hiện thành công Chiến lược Phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Tuy nhiên với thời gian 5 năm khó có thể thực hiện toàn bộ các dự án. Vì vậy xác định ưu tiên và thực hiện gói đầu cho các năm của thời kỳ chiến lược sau sẽ phải được thể hiện rõ trong các PIN và Thời gian biểu thực hiện.

Các dự án sẽ được thực hiện theo ưu tiên và tùy thuộc vào nguồn kinh phí đảm bảo cho dự án. Thời gian của Kế hoạch hành động từ năm 2012-2015. Xem bảng phân bố thời gian thực hiện trong Phụ lục C, Bảng 2.

Qua phân tích sự cần thiết của các dự án, kiến nghị ưu tiên cần tập trung cho việc thể chế hoá sự lồng ghép và xây dựng các thủ tục trong nước hài hoà các thủ tục sử dụng nước của Ủy hội; các nghiên cứu đánh giá tác động do phát triển thượng nguồn gây ra; khắc phục những rủi ro do thiếu số liệu; và giám sát. Một số ít hoạt động liên quan tới các dự án đã được UBMCVN thực hiện trong năm 2011 do yêu cầu phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ, ví dụ đánh giá tác động của phát triển thủy điện và chuyển nước và kéo dài cho đến 2012 có thể được lồng ghép vào trong các dự án (PIN) đang được đề xuất. Vì vậy, khi cụ thể hoá các PIN thành đề cương cụ thể UBMCVN sẽ thảo luận với các cơ quan thực hiện sau. Những dự án dưới đây cần được thực hiện ngay trong năm 2012:

- Lĩnh vực trọng tâm 1 bao gồm FA1.1, FA1.2, FA1.3 và FA1.4;
- Lĩnh vực trọng tâm 2 bao gồm FA2.2 và FA2.5;
- Lĩnh vực trọng tâm 3 bao gồm FA3.1 và FA3.2;
- Lĩnh vực trọng tâm 4 bao gồm FA4.1, FA4.2 và FA 4.3;
- Lĩnh vực trọng tâm 5 bao gồm FA5.1, FA5.2, FA5.3 và FA5.4;
- Lĩnh vực trọng tâm 6 bao gồm FA6.3, FA6.5, FA6.6, FA6.7 và FA6.9;
- Lĩnh vực trọng tâm 7 bao gồm FA7.2, FA7.3 và FA7.4;
- Lĩnh vực trọng tâm 9 bao gồm FA9.1, FA9.2 và FA9.3.

Tổng cộng thực hiện ngay năm 2012 gồm 26 dự án, còn các dự án khác được kiến nghị thực hiện từ năm 2013.

Kế hoạch thời gian thực hiện các dự án của NIP cần phải được đưa vào kế hoạch công tác của các cơ quan được giao thực hiện dự án. Việc đánh giá thực hiện các dự án của NIP sẽ được làm theo quy định của các cơ quan và của UBMCVN.

## **5. Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động**

Kinh phí cho dự án gồm kinh phí của nhà nước cấp cho các dự án chương trình của các Bộ, của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, vốn tài trợ của Ủy hội sông Mê Công và của các tổ chức quốc tế khác. Hàng năm các cơ quan phối hợp với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam để hỗ trợ xin vốn ngân sách nhà nước cấp cho các Bộ tương ứng, vốn từ MRC và từ ngân sách của UBMCVN. Việc xem xét cấp ngân sách cho thực hiện NIP trong thời gian 2012-2015 cần được gắn với chủ trương chuyển giao (decentralization) một số chức năng quản lý lưu vực sông cho các quốc gia thời kỳ 2011-2015 và sau này, như đã được cam kết trong Ủy hội sông Mê Công.

Trong khi rà soát về các chiến lược quan trọng của quốc gia đã cho thấy Chính phủ rất quan tâm tới việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

định hướng chiến lược phát triển thủy lợi; chương trình mục tiêu quốc gia ngành nước. Các chiến lược này có một mối đan xen với nhau đòi hỏi một sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành hữu quan để thực hiện cũng như quản lý hiệu quả.

Như vậy, việc cung cấp vốn từ ngân sách nhà nước cũng như tìm kiếm tài trợ từ nước ngoài cho thực hiện các chiến lược trên và Kế hoạch hành động quốc gia (NIP) là một vấn đề phải được xem xét cẩn thận, tránh trùng lặp thậm chí có thể dẫn tới những kiến nghị khác nhau. Xác định vốn cho thực hiện các dự án của NIP thông qua Phiếu xác định dự án (PIN) dựa trên phân tích tính kế thừa là việc phức tạp, không thể chính xác từ giai đoạn đầu. Vì thế, nhu cầu vốn có thể được xem xét và điều chỉnh trong quá trình xây dựng các đề án chi tiết (project proposal).

Để tránh trì hoãn việc thực hiện NIP, Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam cần rà soát các hoạt động do ngân sách nhà nước cấp đã được đưa vào kế hoạch 2012 – 2013 của mình theo nhiệm vụ Chính phủ giao để lồng ghép một số hoạt động vào NIP; rà soát dự án hợp tác quốc tế song phương (dự án Mekong-IWRM do WB tài trợ) và Chương trình khác của Ủy hội để thực hiện một số hoạt động của các dự án đã đưa vào NIP. Cách làm như vậy cũng sẽ giúp quá trình thực hiện NIP được liên tục và hiệu quả đồng thời khắc phục rủi ro về tài chính như nêu ở Phần 5 của bản chính Kế hoạch hành động.

## **6. Tổ chức thực hiện**

Để thực hiện thành công Chiến lược nói chung và Kế hoạch hành động (NIP) nói riêng, cần xác định được mối liên kết giữa các cơ quan có trách nhiệm một cách rõ ràng trong thực hiện, trong hỗ trợ và quản lý giám sát ở các cấp. Hình 3 thể hiện cấu trúc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia.

### **Ban Điều hành**

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam lập Ban điều hành thực hiện Kế hoạch hành động, Thứ trưởng Phó Chủ tịch là Trưởng ban, hai Phó Trưởng ban điều hành là Chánh Văn phòng UBMCVN và Cục trưởng Cục Tài nguyên nước. Thành viên Ban điều hành sẽ gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước và tài nguyên liên quan của các Bộ TNMT, NN và PTNT, Giao thông, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Xây dựng.

#### *Trách nhiệm của Ban Điều hành*

Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo những vấn đề liên quan tới Kế hoạch, huy động kinh phí thực hiện; những vấn đề liên quan tới chủ trương chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước và tài nguyên liên quan; tổ chức giám sát.

Thành viên Ban điều hành tham gia họp đánh giá tiến độ chung của NIP, giải quyết những vướng mắc trong phối hợp thực hiện NIP.

Góp ý cho UBMCVN trong các giải pháp hợp tác/đàm phán với các nước trong MRC về những vấn đề tác động bất lợi cho nguồn lợi sông Mê Công của Việt Nam và hỗ trợ thực hiện những dự án đảm bảo đem lại lợi ích quốc gia phục vụ cho các chính sách phát triển kinh tế xã hội.

Tạo điều kiện huy động nguồn nhân lực của ngành cho thực hiện thành công NIP.

## **Nhóm công tác**

Sẽ có hai nhóm công tác được hình thành để tham gia thực hiện dự án ở ĐBSCL và Tây Nguyên. Thành viên nhóm công tác là đại diện các cơ quan thực hiện dự án, các cơ quan của các Tỉnh, đại diện của một số tổ chức tư nhân thực hiện các hoạt động phát triển tại địa phương. Lãnh đạo Văn phòng UBMCVN sẽ làm Trưởng nhóm công tác.

### *Trách nhiệm của Nhóm công tác*

Nhóm công tác có trách nhiệm đóng góp ý kiến về kỹ thuật trong quá trình thực hiện các dự án của NIP, cung cấp những thông tin cần thiết để định hướng nghiên cứu phù hợp với hoạt động cũng như trách nhiệm của mình.

Tham gia các cuộc họp đánh giá tiến độ của dự án, chất lượng các sản phẩm đã hoàn thành và việc huy động nhân lực thực hiện dự án.

Kiến nghị lên Ban Chỉ đạo và UBMCVN những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án để có những biện pháp cải thiện kịp thời.

Khi có những vấn đề nhạy cảm cần phải giải quyết và báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thay mặt Ban điều hành báo cáo trước Hội đồng Tài nguyên nước quốc gia cho ý kiến chỉ đạo.